

Số: /Th-BV
V/v: Yêu cầu báo giá cung cấp Máy siêu âm

Nghệ An, ngày tháng 02 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm máy siêu âm các loại tại Bệnh viện với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An.

Địa chỉ: Km5, đại lộ Lenin, xã Nghi Phú, thành phố Vinh, Nghệ An.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ và tên: Nguyễn Việt Quang

- Chức vụ: Phó trưởng phòng Vật tư – Thiết bị y tế

- Số điện thoại: 0904 625 637

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Các nhà cung cấp dịch vụ có thể gửi báo giá theo một trong các cách thức sau:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư – Thiết bị y tế, Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An, Km5, đại lộ Lenin, xã Nghi Phú, thành phố Vinh, Nghệ An.

Trên bì thư ghi rõ nội dung báo giá cho danh mục cụ thể.

- Nhận qua Email: bmed.nafgh@gmail.com (Các đơn vị gửi bản scan kèm bản mềm(word/Excell..))

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h00 ngày 06 tháng 02 năm 2024 đến trước 16 h ngày 26 tháng 02 năm 2024

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90, kể từ ngày 26 tháng 02 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục trang thiết bị y tế:

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về cấu hình, tính năng kỹ thuật và các thông tin liên quan	ĐVT	Số lượng
1	Máy siêu âm tổng quát	Chi tiết xem tại mục 1. - Phụ lục 1 kèm theo	Cái	02
2	Máy siêu âm tim	Chi tiết xem tại mục 2. - Phụ lục 1 kèm theo	Cái	01
3	Máy siêu âm sản khoa	Chi tiết xem tại mục 3. - Phụ lục 1 kèm theo	Cái	02
4	Máy siêu âm xách tay	Chi tiết xem tại mục 4. - Phụ lục 1 kèm theo	Cái	02

2. Địa điểm cung cấp: Cung cấp hàng hoá tại Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An

- Địa chỉ: Km5, Đại lộ Lenin, xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Tối đa 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Các thông tin khác:

- Yêu cầu nhà cung cấp gửi kèm tài liệu kỹ thuật về thông số và tính năng kỹ thuật của máy.

- Nhà cung cấp có thể nêu thêm các tính năng kỹ thuật chi tiết của thiết bị được chào giá ngoài những tính năng kỹ thuật được yêu cầu đáp ứng.

- Bảng đáp ứng kỹ thuật phải ghi rõ nội dung đáp ứng và phải tham chiếu các tài liệu chứng minh.

- Nhà cung cấp có thể chào giá toàn bộ hàng hoá hoặc chào giá riêng lẻ từng thiết bị được yêu cầu chào giá.

- Báo giá bao gồm thuế VAT, phí vận chuyển, lắp đặt và các chi phí khác.

Nhà cung cấp báo giá thực hiện theo: Mẫu yêu cầu báo giá kèm theo.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Website Bệnh viện;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hương

PHỤ LỤC 1. CẤU HÌNH, TÍNH NĂNG KỸ THUẬT CƠ BẢN CÁC MÁY SIÊU ÂM

1. Máy siêu âm tổng quát:

STT	NỘI DUNG
I.	THÔNG TIN CHUNG
	- Máy mới 100%
	- Năm sản xuất: 2023 trở về sau.
	- Môi trường hoạt động:
	Nhiệt độ tối đa: ≥ 35 độ C
	Độ ẩm tối đa: $\geq 70\%$ (không ngưng tụ)
	- Đạt các tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 và CE hoặc tương đương
	- Nguồn điện: 220V, 50Hz
II.	YÊU CẦU CẤU HÌNH
1	Máy siêu âm chẩn đoán: 01 cái. Bao gồm:
1.1	Hệ thống máy chính: 01 cái
1.2	Đầu dò:
	Đầu dò convex: 01 cái
	Đầu dò linear: 01 cái
	Đầu dò tim: 01 cái
1.3	Bộ Phần mềm:
	Các bộ phần mềm cơ bản:
	Bộ phần mềm thăm khám tổng quát, ổ bụng, tiết niệu: 01 bộ
	Bộ phần mềm thăm khám mạch máu, phần nông, cơ xương khớp: 01 bộ
	Bộ phần mềm thăm khám tim người lớn: 01 bộ
	Bộ phần mềm thăm khám sản, phụ khoa: 01 bộ
	Các bộ phần mềm nâng cao:
	Phần mềm siêu âm đàn hồi mô định lượng.
1.4	Phụ kiện:
	Hệ thống máy vi tính để bàn: 01 bộ
	Máy in nhiệt: 01 cái
	Máy in màu: 01 cái
	Bộ lưu điện: 01 cái
	Máy hút ẩm: 01 cái
	Gel siêu âm: 5 lít
	Bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + tiếng Việt: 01 bộ

STT	NỘI DUNG
III.	YÊU CẦU KỸ THUẬT
1	Máy chính:
	Thiết kế đồng bộ trên xe đẩy, bánh xe có khoá
1.1	Màn hình:
	- Màn hình LCD
	- Kích thước màn hình: ≥ 21 inch
	- Độ phân giải màn hình tối thiểu Full HD
1.2	Bảng điều khiển:
	Có các phím điều khiển chức năng. Có màn hình cảm ứng rộng: ≥ 11 inch
1.3	Lưu trữ dữ liệu:
	Dung lượng ổ cứng: ≥ 500 GB
1.4	Khả năng kết nối:
	- Số lượng cổng đầu dò: ≥ 3 Cổng online
	- Kết nối DICOM
2.	Chế độ siêu âm:
	<i>Chế độ 2D:</i>
	<i>Chế độ Doppler :</i>
	Doppler màu vận tốc
	Doppler năng lượng
	Doppler xung
	Doppler liên tục
	<i>Chế độ M:</i>
3.	Phần mềm thăm khám
3.1	Phần mềm cơ bản
	phần mềm thăm khám tổng quát, ổ bụng, tiết niệu
	phần mềm thăm khám mạch máu, phần nông, cơ xương khớp
	phần mềm thăm khám tim người lớn
	phần mềm thăm khám sản, phụ khoa
	Phần mềm đo đạc và tính toán
3.2	Các phần mềm, tính năng nâng cao
	Phần mềm Siêu âm đàn hồi mô định lượng
4	Đầu dò:
4.1	Đầu dò convex đa tần số:
	- Ứng dụng: Bụng tổng quát, tiết niệu, sản khoa, phụ khoa
	- Dải tần số: $\leq 2,0$ MHz đến ≥ 5 MHz
	- Trường nhìn tối đa: ≥ 58 độ
4.2	Đầu dò linear đa tần số:
	- Ứng dụng: Ổ bụng, sản khoa, tuyến vú, tuyến giáp, mạch máu, cơ xương khớp và phần nông.
	- Dải tần số: $\leq 4,0$ MHz đến ≥ 12 MHz

STT	NỘI DUNG
	- Trường nhìn tối đa: ≥ 50 mm
4.3	Đầu dò tim đa tần số:
	- Ứng dụng: tim người lớn, tim nhi, TCD
	- Dải tần số: ≤ 2 MHz đến ≥ 4 MHz
	- Trường nhìn tối đa: ≥ 90 độ
5	Hệ thống máy vi tính để bàn
	+ CPU: loại Core i5 hoặc tương đương trở lên
	+ RAM: ≥ 8 GB
	+ Bộ nhớ: ≥ 512 GB
	+ Card truyền ảnh siêu âm
	+ Màn hình máy tính LCD, kích thước ≥ 21 "
6	Máy in nhiệt
	- Loại in: In nhiệt
	- Độ phân giải: ≥ 325 dpi
	- Tốc độ in: ≤ 2 giây/ảnh
7	Máy in màu
	- Kết nối: USB
	- Tốc độ in: ≥ 15 trang màu/phút
8	Bộ lưu điện Online:
	- Công suất: ≥ 2 KVA
9	Máy hút ẩm:
	Công suất hút ẩm: ≥ 12 lít/ngày
	Dung tích bình nước: ≥ 2.5 lít
IV	YÊU CẦU KHÁC CHO CÁC MÁY
1	Giao hàng trong vòng 90 ngày tại Bệnh viện HNĐK Nghệ An
2	Thiết bị phải được bảo hành ≥ 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu
3	Nhà thầu phải có ủy quyền bán hàng thuộc bản quyền của nhà sản xuất / Giấy ủy quyền bán hàng của đại lý phân phối (đính kèm)
4	Nhà cung cấp chịu trách nhiệm lắp đặt, chạy thử, bàn giao và hướng dẫn vận hành cho người sử dụng, hướng dẫn bảo quản cho nhân viên kỹ thuật; cung cấp các giải pháp đảm bảo an toàn cho người bệnh và nhân viên sử dụng.
5	Cam kết cung cấp vật tư thay thế chính hãng và Có báo giá vật tư thay, giá bảo trì sau bảo hành với giá hợp lý cùng thời điểm tại thị trường... trong vòng 10 năm
6	Nhà thầu khảo sát phòng đặt máy sẵn có tại bệnh viện để có phương án lắp đặt
7	Khi sự cố xảy ra Hãng phải cử người có mặt trong vòng 48 giờ để xử lý
8	Cam kết cung cấp giấy chứng nhận xuất xứ (CO) khi giao hàng
9	Cam kết cung cấp giấy chứng nhận chất lượng (CQ) cung cấp khi giao hàng
10	Cam kết cung cấp giấy phép nhập khẩu của Bộ Y tế (nếu có) (bản gốc hoặc bản chụp chứng thực).
11	Giá báo giá đã bao gồm thuế VAT và các loại phí, chi phí liên quan.

2. Máy siêu âm tim:

STT	NỘI DUNG
I.	THÔNG TIN CHUNG
	- Máy mới 100%
	- Năm sản xuất: 2023 trở về sau.
	- Môi trường hoạt động:
	Nhiệt độ tối đa: ≥ 35 độ C
	Độ ẩm tối đa: $\geq 70\%$ (không ngưng tụ)
	- Đạt các tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 và CE hoặc tương đương
	- Nguồn điện: 220 – 240VAC; 50Hz
II.	YÊU CẦU CẤU HÌNH
1	Máy siêu âm chẩn đoán: 01 cái. Bao gồm:
1.1	Hệ thống máy chính: 01 cái
1.2	Đầu dò:
	Đầu dò convex: 01 cái
	Đầu dò linear: 01 cái
	Đầu dò tim: 01 cái
1.3	Bộ Phần mềm:
	Bộ phần mềm thăm khám tổng quát, ổ bụng, tiết niệu: 01 bộ
	Bộ phần mềm thăm khám mạch máu, phần nông, cơ xương khớp: 01 bộ
	Bộ phần mềm thăm khám tim người lớn: 01 bộ
1.4	Phụ kiện:
	Hệ thống máy vi tính để bàn: 01 bộ
	Máy in nhiệt: 01 cái
	Máy in màu: 01 cái
	Bộ lưu điện: 01 cái
	Máy hút âm: 01 cái
	Gel siêu âm: 5 lít
	Bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + tiếng Việt: 01 bộ
III.	YÊU CẦU KỸ THUẬT
1	Máy chính:
	Thiết kế đồng bộ trên xe đẩy, bánh xe có khoá
1.1	Màn hình:
	- Màn hình LCD
	- Kích thước màn hình: ≥ 21 inch
	- Độ phân giải màn hình tối thiểu Full HD
1.2	Bảng điều khiển:
	Có các phím điều khiển chức năng. Có màn hình cảm ứng rộng: ≥ 10 inch

STT	NỘI DUNG
1.3	Lưu trữ dữ liệu:
	Dung lượng ổ cứng: $\geq 500\text{GB}$
1.4	Khả năng kết nối:
	- Số lượng cổng đầu dò: ≥ 3 Cổng online
	- Kết nối DICOM
2.	Chế độ siêu âm:
	<i>Chế độ 2D:</i>
	<i>Chế độ Doppler :</i>
	Doppler màu vận tốc
	Doppler năng lượng
	Doppler xung
	Doppler liên tục
	<i>Chế độ M:</i>
3.	Phần mềm thăm khám
	phần mềm thăm khám tổng quát, ổ bụng, tiết niệu
	phần mềm thăm khám mạch máu, phần nông, cơ xương khớp
	phần mềm thăm khám tim người lớn
	Phần mềm đo đạc và tính toán
4	Đầu dò:
4.1	Đầu dò convex đa tần số:
	- Ứng dụng: Bụng tổng quát, tiết niệu, sản khoa, phụ khoa
	- Dải tần số: $\leq 2,0$ MHz đến ≥ 5 MHz
	- Trường nhìn tối đa: ≥ 58 độ
4.2	Đầu dò linear đa tần số:
	- Ứng dụng: Ổ bụng, tuyến giáp, mạch máu, cơ xương khớp và phần nông.
	- Dải tần số: $\leq 4,0$ MHz đến ≥ 12 MHz
	- Trường nhìn tối đa: ≥ 50 mm
4.3	Đầu dò tim đa tần số:
	- Ứng dụng: tim người lớn, tim nhi, TCD
	- Dải tần số: ≤ 2 MHz đến ≥ 4 MHz
	- Trường nhìn tối đa: ≥ 90 độ
5	Bộ máy vi tính để bàn
	+ CPU: loại Core i5 hoặc tương đương trở lên
	+ RAM: $\geq 8\text{GB}$

	+ Bộ nhớ: $\geq 512\text{GB}$
	+ Card truyền ảnh siêu âm
	+ Màn hình máy tính LCD, kích thước $\geq 21''$
6	Máy in nhiệt
	- Loại in: In nhiệt
	- Độ phân giải: $\geq 325\text{ dpi}$
	- Tốc độ in: $\leq 2\text{ giây/ảnh}$
7	Máy in màu
	- Kết nối: USB
	- Tốc độ in: $\geq 15\text{ trang màu/ phút}$
8	Bộ lưu điện Online:
	- Công suất: $\geq 2\text{ KVA}$
9	Máy hút ẩm:
	Công suất hút ẩm: $\geq 12\text{ lít/ngày}$
	Dung tích bình nước: $\geq 2.5\text{ lít}$
IV	YÊU CẦU KHÁC CHO CÁC MÁY
1	Giao hàng trong vòng 90 ngày tại Bệnh viện HNĐK Nghệ An
2	Thiết bị phải được bảo hành ≥ 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu
3	Nhà thầu phải có ủy quyền bán hàng thuộc bản quyền của nhà sản xuất / Giấy ủy quyền bán hàng của đại lý phân phối (đính kèm)
4	Nhà cung cấp chịu trách nhiệm lắp đặt, chạy thử, bàn giao và hướng dẫn vận hành cho người sử dụng, hướng dẫn bảo quản cho nhân viên kỹ thuật; cung cấp các giải pháp đảm bảo an toàn cho người bệnh và nhân viên sử dụng.
5	Cam kết cung cấp vật tư thay thế chính hãng và Có báo giá vật tư thay, giá bảo trì sau bảo hành với giá hợp lý cùng thời điểm tại thị trường... trong vòng 10 năm
6	Nhà thầu khảo sát phòng đặt máy sẵn có tại bệnh viện để có phương án lắp đặt
7	Khi sự cố xảy ra Hãng phải cử người có mặt trong vòng 48 giờ để xử lý
8	Cam kết cung cấp giấy chứng nhận xuất xứ (CO) khi giao hàng
9	Cam kết cung cấp giấy chứng nhận chất lượng (CQ) cung cấp khi giao hàng
10	Cam kết cung cấp giấy phép nhập khẩu của Bộ Y tế (nếu có) (bản gốc hoặc bản chụp chứng thực).
11	Giá báo giá đã bao gồm thuế VAT và các loại phí, chi phí liên quan.

3. Máy siêu âm sản khoa:

STT	NỘI DUNG
I	YÊU CẦU CHUNG
	Máy mới 100%; sản xuất năm 2023 trở đi
	Đạt các tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 và CE hoặc tương đương
	Nguồn cung cấp: 220 – 240VAC; 50Hz
	Môi trường làm việc: Nhiệt độ tối đa cho phép vận hành $\geq 30^\circ\text{C}$, Độ ẩm tối đa cho phép vận hành $\geq 70\%$

STT	NỘI DUNG
II	YÊU CẦU CẤU HÌNH
1	Hệ thống máy chính thiết kế dạng xe đẩy: 01 bộ
2	Đầu dò Volume Convex đa tần số: 01 cái
3	Đầu dò Convex đa tần số: 01 cái
4	Đầu dò Linear đa tần số: 01 cái
5	Đầu dò âm đạo đa tần số: 01 cái
6	Phụ kiện
6.1	Bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Việt chính hãng: 01 bộ
6.2	Bộ lưu điện UPS online $\geq 2\text{KVA}$: 01 bộ
6.3	Hệ thống máy vi tính: 01 bộ
6.4	Máy in màu: 01 cái
6.5	Máy in nhiệt trắng đen: 01 cái
6.6	Máy hút ẩm: 01 cái
6.7	Gel siêu âm: 05 kg
II.	Thông số kỹ thuật
1	Máy chính
	- Lĩnh vực thăm khám: Ứng dụng: dùng cho thăm khám bụng, sản khoa, phụ khoa, bộ phận nhỏ và tuyến vú, mạch máu, nhi khoa.
	- Thông số hệ thống
	+ Màn hình chính
	• Màn hình LCD LED $\geq 21\text{inch}$
	• Độ phân giải $\geq 1920 \times 1080\text{ pixels}$
	+ Màn hình điều khiển cảm ứng
	• Màn hình LCD $\geq 10\text{ inch}$
	+ Số cổng đầu dò hoạt động $\geq 4\text{ cổng}$
	+ Dung lượng ổ cứng $\geq 500\text{ GB}$
	- Các Mode hoạt động:
	+ B-mode
	+ M-mode
	+ Mode Doppler xung (PW)
	+ Mode Doppler dòng màu (CFM)
	+ Mode Doppler năng lượng (PD)
	+ Mode 3D/4D:
	- Các phép đo cơ bản
	- Các chương trình khám và tính toán chuyên sâu
	+ Chương trình chuyên ổ bụng
	+ Chương trình chuyên mô mềm, phần nông
	+ Chương trình chuyên tuyến vú
	+ Chương trình chuyên sản khoa
	+ Chương trình chuyên tim thai
	+ Gói tính toán chuyên mạch máu
	+ Gói tính toán chuyên phụ khoa
	Khả năng kết nối
	- DICOM
2	Đầu dò Volume Convex đa tần số
	- Ứng dụng: Ổ bụng, Sản khoa, Phụ khoa, Nhi khoa
	- Độ rộng băng tần Maximum: từ $\leq 2\text{ MHz}$ tới $\geq 8\text{ MHz}$

STT	NỘI DUNG
3	Đầu dò Convex đa tần số
	- Ứng dụng: Ổ bụng, Sản khoa, phụ khoa, nhi khoa
	- Độ rộng băng tần Maximum: từ ≤ 3.0 MHz tới ≥ 7.0 MHz
4	Đầu dò Linear
	- Ứng dụng: Mô mềm, phần nông, nhi, cơ xương khớp, mạch máu, tuyến vú
	- Độ rộng băng tần Maximum: từ ≤ 4.0 MHz tới ≥ 10.0 MHz
5	Đầu dò âm đạo
	- Ứng dụng: sản khoa, phụ khoa, trực tràng
	- Độ rộng băng tần Maximum: từ ≤ 4.0 tới ≥ 9.0 MHz
6	Phụ kiện:
6.1	Bộ máy tính để bàn
	+ CPU: loại Core i5 hoặc tương đương trở lên
	+ RAM: ≥ 8 GB
	+ Bộ nhớ: ≥ 512 GB
	+ Card truyền ảnh siêu âm.
	+ Màn hình máy tính LCD, kích thước ≥ 21 "
6.2	Bộ lưu điện
	+ Loại: Online
	+ Công suất: ≥ 2 kVA
6.3	Máy in nhiệt đen trắng
	Độ phân giải: ≥ 325 DPI
	Tốc độ in ≤ 2 giây/ảnh
6.4	Máy in phun màu
	+ Cỡ giấy: A4
	+ Tốc độ in: ≥ 15 trang màu/Phút
6.5	Máy hút âm:
	- Công suất hút âm: ≥ 12 lít/ngày
	- Dung tích bình nước: ≥ 2.5 lít
III	YÊU CẦU KHÁC CHO CÁC MÁY
1	Giao hàng trong vòng 90 ngày tại Bệnh viện HNĐK Nghệ An
2	Thiết bị phải được bảo hành ≥ 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu
3	Nhà thầu phải có ủy quyền bán hàng thuộc bản quyền của nhà sản xuất / Giấy ủy quyền bán hàng của đại lý phân phối (đính kèm)
4	Nhà cung cấp chịu trách nhiệm lắp đặt, chạy thử, bàn giao và hướng dẫn vận hành cho người sử dụng, hướng dẫn bảo quản cho nhân viên kỹ thuật; cung cấp các giải pháp đảm bảo an toàn cho người bệnh và nhân viên sử dụng.
5	Cam kết cung cấp vật tư thay thế chính hãng và Có báo giá vật tư thay, giá bảo trì sau bảo hành với giá hợp lý cùng thời điểm tại thị trường... trong vòng 10 năm
6	Nhà thầu khảo sát phòng đặt máy sẵn có tại bệnh viện để có phương án lắp đặt
7	Khi sự cố xảy ra Hãng phải cử người có mặt trong vòng 48 giờ để xử lý
8	Cam kết cung cấp giấy chứng nhận xuất xứ (CO) khi giao hàng
9	Cam kết cung cấp giấy chứng nhận chất lượng (CQ) cung cấp khi giao hàng
10	Cam kết cung cấp giấy phép nhập khẩu của Bộ Y tế (nếu có) (bản gốc hoặc bản chụp chứng thực).
11	Giá báo giá đã bao gồm thuế VAT và các loại phí, chi phí liên quan.

4. Máy siêu âm xách tay:

STT	NỘI DUNG
I	Yêu cầu chung
1	Mới 100%, sản xuất: 2023 trở về sau
2	Tiêu chuẩn áp dụng cho sản phẩm: ISO 13485 và CE hoặc tương đương
3	Nguồn điện: 200~240 V, 50/60 Hz
4	Môi trường hoạt động: Nhiệt độ tối đa $\geq 30^{\circ}\text{C}$ Độ ẩm tối đa $\geq 70\%$
II	Yêu cầu cấu hình cung cấp
1	Máy chính dạng xách tay: 01 cái
2	Đầu dò
2.1	Đầu dò Convex: 01 cái
2.2	Đầu dò Linear: 01 cái
2.3	Đầu dò Tim: 01 cái
3	Phần mềm
3.1	Gói phần mềm tiêu chuẩn đi kèm theo máy (Bụng, tổng quát: 01; sản, phụ khoa: 01)
3.2	Bộ phần mềm thăm khám tim người lớn: 01 bộ
3.3	Bộ phần mềm thăm khám mạch máu, phần nông, cơ xương khớp: 01 bộ
4	Phụ kiện kèm theo
4.1	Xe đẩy đồng bộ: 01 cái
4.2	Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + tiếng Việt: 01 bộ
4.3	Máy in nhiệt đen trắng: 01 cái
4.4	Pin lưu trữ tích hợp trong máy chính: 01 bộ
III	Thông số kỹ thuật
1.	Các thông số chung
	Ổ cứng lưu trữ dữ liệu: $\geq 256\text{GB}$ loại SSD
	Màn hình: ≥ 15 inches, loại LCD, tương đương hoặc cao hơn
	Độ phân giải màn hình: $\geq 1024 \times 768$ điểm ảnh
	Có kết nối DICOM
2.	Các mode hoạt động
	B-Mode
	M-Mode
	Doppler màu
	Doppler năng lượng
	Doppler xung
	Doppler liên tục
3.	Phần mềm thăm khám
	phần mềm thăm khám tổng quát, ổ bụng, tiết niệu
	phần mềm thăm khám mạch máu, phần nông, cơ xương khớp
	phần mềm thăm khám tim người lớn
	Phần mềm đo đạc và tính toán
4	Đầu dò
4.1	Đầu dò Convex
	Ứng dụng: Bụng tổng quát, Sản phụ khoa, Nhi khoa
	Trường nhìn: $\geq 57^{\circ}$
	Dải tần số: $\leq 2.0 - \geq 5.0$ MHz
4.2	Đầu dò Linear
	Ứng dụng: Bộ phận nhỏ, Mạch máu, Nhi và cơ xương khớp

STT	NỘI DUNG
	Dải tần số: ≤ 4.0 - ≥ 13.0 MHz
4.3	Đầu dò tim
	Ứng dụng: Tim, Bụng, TCD
	Trường nhìn: $\geq 90^\circ$
	Dải tần số: ≤ 2.0 - ≥ 4.0 MHz
5	Xe đẩy máy
	- Động bộ; có bánh xe di chuyển, có giá đỡ đầu dò
	- Kết nối đồng thời ≥ 3 đầu dò
6	Máy in nhiệt đen trắng
	Độ phân giải: ≥ 325 dpi
	Tốc độ in: ≤ 2 giây/ảnh
7	Pin lưu trữ: Tích hợp cùng máy chính
IV	YÊU CẦU KHÁC CHO CÁC MÁY
1	Giao hàng trong vòng 90 ngày tại Bệnh viện HNĐK Nghệ An
2	Thiết bị phải được bảo hành ≥ 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu
3	Nhà thầu phải có ủy quyền bán hàng thuộc bản quyền của nhà sản xuất / Giấy ủy quyền bán hàng của đại lý phân phối (đính kèm)
4	Nhà cung cấp chịu trách nhiệm lắp đặt, chạy thử, bàn giao và hướng dẫn vận hành cho người sử dụng, hướng dẫn bảo quản cho nhân viên kỹ thuật; cung cấp các giải pháp đảm bảo an toàn cho người bệnh và nhân viên sử dụng.
5	Cam kết cung cấp vật tư thay thế chính hãng và Có báo giá vật tư thay, giá bảo trì sau bảo hành với giá hợp lý cùng thời điểm tại thị trường... trong vòng 10 năm
6	Nhà thầu khảo sát phòng đặt máy sẵn có tại bệnh viện để có phương án lắp đặt
7	Khi sự cố xảy ra Hãng phải cử người có mặt trong vòng 48 giờ để xử lý
8	Cam kết cung cấp giấy chứng nhận xuất xứ (CO) khi giao hàng
9	Cam kết cung cấp giấy chứng nhận chất lượng (CQ) cung cấp khi giao hàng
10	Cam kết cung cấp giấy phép nhập khẩu của Bộ Y tế (nếu có) (bản gốc hoặc bản chụp chứng thực).
11	Giá báo giá đã bao gồm thuế VAT và các loại phí, chi phí liên quan.

PHỤ LỤC 2.

Mẫu báo giá

Áp dụng đối với gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế; gói thầu mua sắm linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....
**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất,
nhà cung cấp⁽¹²⁾**
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.
 - (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.
 - (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.
 - (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
 - (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
 - (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
 - (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.
 - (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chi tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.
 - (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.
 - (11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.
- Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.
- (12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy

quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.